

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|--------------------------------------------|--------------|
| Thông tin chung | 1 |
| Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 3 - 4 |
| Bảng cân đối kế toán riêng | 5 - 6 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng | 7 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng | 8 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính riêng | 9 - 23 |

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") với mã chứng khoán "MWG" theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222, Đường Yersin, Phường Phú Cường, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động chủ yếu trong năm hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|--------------------------|------------|-----------------------------------|
| Ông Nguyễn Đức Tài | Chủ tịch | |
| Ông Điều Chính Hải Triều | Thành viên | |
| Ông Thomas Lanyi | Thành viên | |
| Ông Trần Kinh Doanh | Thành viên | |
| Ông Robert Willet | Thành viên | |
| Ông Đặng Minh Lượm | Thành viên | |
| Ông Đoàn Văn Hiếu Em | Thành viên | bổ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2019 |
| Ông Đào Thế Vinh | Thành viên | bổ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2019 |
| Ông Trần Lê Quân | Thành viên | từ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2019 |

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|-------------------------|------------|
| Ông Trần Huy Thanh Tùng | Trưởng ban |
| Ông Hoàng Hữu Hưng | Thành viên |
| Bà Đỗ Thị Loan | Thành viên |

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|---------------------|--------------------|-----------------------------------|
| Ông Trần Kinh Doanh | Tổng Giám đốc | bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2019 |
| Ông Nguyễn Đức Tài | Tổng Giám đốc | từ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2019 |
| Ông Phạm Văn Trọng | Giám đốc Kỹ thuật | |
| Ông Vũ Đăng Linh | Giám đốc Tài chính | |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 4 tháng 4 năm 2019 là Ông Nguyễn Đức Tài và từ ngày 5 tháng 4 năm 2019 đến ngày lập báo cáo này là Ông Trần Kinh Doanh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 7.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đề ngày 2 tháng 3 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Trần Kinh Doanh
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 2 tháng 3 năm 2020

Số tham chiếu: 61110221/21073758

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) được lập ngày 2 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 23, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Ernest Young Chin Kang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1891-2018-004-1



Lý Hồng Mỹ
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 4175-2017-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 2 tháng 3 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|---------------------------------------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 1.194.443.941.362 | 224.880.562.137 |
| 110 | I. Tiền | 4 | 87.872.626.449 | 127.636.796.208 |
| 111 | 1. Tiền | | 87.872.626.449 | 127.636.796.208 |
| 130 | II. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 1.098.515.797.074 | 89.193.429.541 |
| 135 | 1. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 5 | 180.700.090.000 | 66.600.000.000 |
| 136 | 2. Phải thu ngắn hạn khác | 6 | 917.815.707.074 | 22.593.429.541 |
| 150 | III. Tài sản ngắn hạn khác | | 8.055.517.839 | 8.050.336.388 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | | 7.684.571.915 | 7.637.928.079 |
| 152 | 2. Thuế GTGT được khấu trừ | | 28.001 | - |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | | 370.917.923 | 412.408.309 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 8.244.540.821.707 | 7.179.760.821.707 |
| 210 | I. Phải thu dài hạn | | 1.126.500.000.000 | 1.061.720.000.000 |
| 215 | 1. Phải thu về cho vay dài hạn | 5 | 1.126.500.000.000 | 1.061.720.000.000 |
| 250 | II. Đầu tư tài chính dài hạn | 7 | 7.118.040.821.707 | 6.118.040.821.707 |
| 251 | 1. Đầu tư vào công ty con | | 7.056.002.071.707 | 6.056.002.071.707 |
| 252 | 2. Đầu tư vào công ty liên kết | | 62.038.750.000 | 62.038.750.000 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 9.438.984.763.069 | 7.404.641.383.844 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|--------------------------------------------------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 1.693.308.987.339 | 1.133.344.181.084 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 571.172.320.682 | 15.747.514.423 |
| 315 | 1. Chi phí phải trả ngắn hạn | 8 | 18.759.525.231 | 10.270.330.768 |
| 319 | 2. Phải trả ngắn hạn khác | 9 | 88.412.795.451 | 527.183.655 |
| 320 | 3. Vay ngắn hạn | 10 | 464.000.000.000 | - |
| 322 | 4. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | - | 4.950.000.000 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 1.122.136.666.657 | 1.117.596.666.661 |
| 338 | 1. Vay dài hạn | 10 | 1.122.136.666.657 | 1.117.596.666.661 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 7.745.675.775.730 | 6.271.297.202.760 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 11.1 | 7.745.675.775.730 | 6.271.297.202.760 |
| 411 | 1. Vốn cổ phần | | 4.435.461.780.000 | 4.434.961.780.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 4.435.461.780.000 | 4.434.961.780.000 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 519.117.889.700 | 515.362.889.700 |
| 415 | 3. Cổ phiếu quỹ | | (5.658.924.500) | (808.864.500) |
| 421 | 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 2.796.755.030.530 | 1.321.781.397.560 |
| 421a | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước | | 647.602.102.060 | - |
| 421b | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | | 2.149.152.928.470 | 1.321.781.397.560 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 9.438.984.763.069 | 7.404.641.383.844 |

Lý Trần Kim Ngân
Người lập

Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính

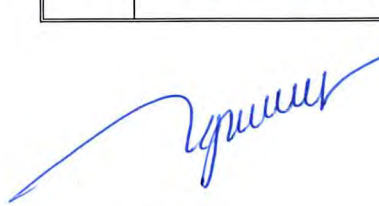
Trần Kinh Doanh
Tổng Giám đốc

Ngày 2 tháng 3 năm 2020

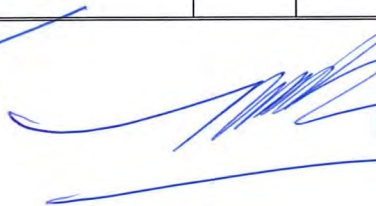
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|----------|-----------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------|--------------------------------------|
| 21 | 1. Doanh thu hoạt động tài chính | 12 | 2.270.961.609.321 | 2.914.961.155.622 |
| 22 23 | 2. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay | 13 | (116.857.311.471) (115.275.167.916) | (97.326.249.994) (97.326.249.994) |
| 26 | 3. Chi phí quản lý doanh nghiệp | | (4.838.999.576) | (4.948.437.613) |
| 30 | 4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 2.149.265.298.274 | 2.812.686.468.015 |
| 31 | 5. Thu nhập khác | | 150.000 | 3.536.284 |
| 32 | 6. Chi phí khác | | (21.195.116) | (12.100.000) |
| 40 | 7. Lỗ khác | | (21.045.116) | (8.563.716) |
| 50 | 8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 2.149.244.253.158 | 2.812.677.904.299 |
| 51 | 9. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 14 | (91.324.688) | (2.648.371.876) |
| 60 | 10. Lợi nhuận sau thuế TNDN | | 2.149.152.928.470 | 2.810.029.532.423 |



Lý Trần Kim Ngân
Người lập



Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính



Trần Kinh Doanh
Tổng Giám đốc

Ngày 2 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-----------|-------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 2.149.244.253.158 | 2.812.677.904.299 |
| | <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i> | | | |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | 12 | (2.270.961.609.321) | (2.914.961.155.622) |
| 06 | Chi phí lãi vay | 13 | 115.275.167.916 | 97.326.249.994 |
| 08 | Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | (6.442.188.247) | (4.957.001.329) |
| 09 | Giảm các khoản phải thu | | 8.746.412.112 | 10.365.214.952 |
| 11 | Tăng (giảm) các khoản phải trả | | 1.931.284.420 | (2.143.486.371) |
| 12 | Tăng chi phí trả trước | | (18.490.393.836) | - |
| 14 | Tiền lãi vay đã trả | | (83.517.476.081) | (92.786.250.000) |
| 15 | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | | (49.834.302) | (3.101.840.128) |
| 17 | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (15.000.000.000) | - |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh | | (112.822.195.934) | (92.623.362.876) |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 23 | Tiền chi cho vay | | (762.032.000.000) | (1.965.500.000.000) |
| 24 | Tiền thu hồi cho vay | | 583.151.910.000 | 1.881.364.807.920 |
| 25 | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | (1.915.018.185.000) | (3.096.437.300.707) |
| 27 | Thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức | | 2.282.011.076.675 | 2.899.155.440.898 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư | | 188.112.801.675 | (281.417.051.889) |
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 31 | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu | | 89.974.580.000 | 703.840.247.200 |
| 32 | Mua lại cổ phiếu | 11.1 | (4.850.060.000) | (729.700.000) |
| 33 | Tiền thu từ đi vay | 10 | 464.000.000.000 | - |
| 36 | Chi trả cổ tức | 11.1 | (664.179.295.500) | (484.310.571.750) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính | | (115.054.775.500) | 218.799.975.450 |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | | (39.764.169.759) | (155.240.439.315) |
| 60 | Tiền đầu năm | | 127.636.796.208 | 282.877.235.523 |
| 70 | Tiền cuối năm | 4 | 87.872.626.449 | 127.636.796.208 |

Lý Trần Kim Ngân
Người lập

Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính

Trần Kinh Doanh
Tổng Giám đốc

Ngày 2 tháng 3 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và các Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh nghiệp điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") với mã chứng khoán "MWG" theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222, Đường Yersin, Phường Phú Cường, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động chủ yếu trong năm hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 7.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đến ngày 2 tháng 3 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty, và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

3.4 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.6 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.7 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.10 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

| | Số cuối năm | VND Số đầu năm |
|--------------------|-----------------------|------------------------|
| Tiền gửi ngân hàng | <u>87.872.626.449</u> | <u>127.636.796.208</u> |

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY

Phải thu về cho vay thể hiện các khoản cho các công ty con vay và hưởng tiền lãi theo lãi suất từ 7,5%/năm đến 8,5%/năm (Thuyết minh số 15).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

| | Số cuối năm | VND Số đầu năm |
|-----------------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 15) | 917.633.192.020 | 15.766.964.724 |
| Ký quỹ, ký cược | - | 4.003.604.375 |
| Khác | <u>182.515.054</u> | <u>2.822.860.442</u> |
| TỔNG CỘNG | <u>917.815.707.074</u> | <u>22.593.429.541</u> |

7. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

| | Số cuối năm | VND Số đầu năm |
|-----------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 7.1) | 7.056.002.071.707 | 6.056.002.071.707 |
| Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 7.2) | <u>62.038.750.000</u> | <u>62.038.750.000</u> |
| TỔNG CỘNG | <u>7.118.040.821.707</u> | <u>6.118.040.821.707</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

7.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

| Công ty | Địa chỉ | Hoạt động chính | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|-------------------------------------------------------|---------------------------------|-----------------------------|-------------|--------------------------|--------------------|-------------|--------------------------|--------------------|
| | | | % sở hữu | Số tiền VND | Dự phòng VND | % sở hữu | Số tiền VND | Dự phòng VND |
| Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động | Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Thương mại sản phẩm điện tử | 99,95 | 2.027.352.771.000 | - | 99,95 | 2.027.352.771.000 | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh | Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Thương mại thực phẩm | 99,95 | 3.629.712.000.000 | - | 99,95 | 2.629.712.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh | Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Thương mại sản phẩm điện tử | 99,33 | 860.937.300.707 | - | 99,33 | 860.937.300.707 | - |
| Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động | Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Công nghệ thông tin | 100,00 | 538.000.000.000 | - | 100,00 | 538.000.000.000 | - |
| TỔNG CỘNG | | | | 7.056.002.071.707 | - | | 6.056.002.071.707 | - |

7.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

| Tên công ty | Địa chỉ | Hoạt động chính | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|---------------------------------|---------------------------------|------------------|-------------|----------------|--------------------|-------------|----------------|--------------------|
| | | | % sở hữu | Số tiền VND | Dự phòng VND | % sở hữu | Số tiền VND | Dự phòng VND |
| Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang | Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Bán lẻ dược phẩm | 49,00 | 62.038.750.000 | - | 49,00 | 62.038.750.000 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | <i>Số cuối năm</i> | <i>VND Số đầu năm</i> |
|------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí lãi vay | 17.735.777.449 | 8.961.835.610 |
| Khác | <u>1.023.747.782</u> | <u>1.308.495.158</u> |
| TỔNG CỘNG | <u>18.759.525.231</u> | <u>10.270.330.768</u> |

9. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

| | <i>Số cuối năm</i> | <i>VND Số đầu năm</i> |
|---------------------------------------------------------------|------------------------------|---------------------------|
| Nhận trước tiền phát hành cổ phiếu (*) (Thuyết minh số 16) | 85.719.580.000 | - |
| Khác | <u>2.693.215.451</u> | <u>527.183.655</u> |
| TỔNG CỘNG | <u>88.412.795.451</u> | <u>527.183.655</u> |

(*) Số dư thể hiện khoản tiền nhận trước từ việc phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn sở hữu cổ phiếu áp dụng cho các cán bộ chủ chốt của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 22 tháng 3 năm 2019 và các Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 27 tháng 11 năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. VAY

| | Số đầu năm | Tăng | Giảm | VND Số cuối năm |
|-------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------|------|--------------------------|
| Ngắn hạn | - | 464.000.000.000 | - | 464.000.000.000 |
| Vay ngân hàng (Thuyết minh số 10.1) | - | 464.000.000.000 | - | 464.000.000.000 |
| Dài hạn | 1.117.596.666.661 | 4.539.999.996 | - | 1.122.136.666.657 |
| Trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh số 10.2) | 1.117.596.666.661 | 4.539.999.996 | - | 1.122.136.666.657 |
| TỔNG CỘNG | 1.117.596.666.661 | 468.539.999.996 | - | 1.586.136.666.657 |

10.1 Vay ngân hàng

Đây là khoản vay tín chấp Ngân hàng BNP Paribas Chi nhánh Singapore nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động với kỳ hạn gốc là một năm kể từ ngày giải ngân và chịu lãi suất Libor 3 tháng + 2,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. VAY (tiếp theo)

10.2 Trái phiếu thường trong nước

| <i>Trái chủ</i> | <i>Số cuối năm VND</i> | <i>Lãi suất %/năm</i> | <i>Ngày đáo hạn</i> |
|----------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------|------------------------------|
| Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam | 470.000.000.000 | 6,55 | Ngày 17 tháng 11 năm 2022 |
| Công ty TNHH Manulife (Việt Nam) | 450.000.000.000 | | |
| Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam) | 100.000.000.000 | | |
| Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam | 45.000.000.000 | | |
| Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam | 40.000.000.000 | | |
| Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam | 30.000.000.000 | | |
| Chi phí phát hành trái phiếu | (12.863.333.343) | | |
| TỔNG CỘNG | <u>1.122.136.666.657</u> | | |

Trái phiếu thường trong nước được thu xếp phát hành bởi Ngân hàng TNHH Một Thành viên Standard Chartered (Việt Nam) và được bảo lãnh bởi Credit Guarantee and Investment Facility - quỹ đầu tư tín thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á với phí bảo lãnh là 1,5%/năm nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

11.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

| | VND | | | | |
|---------------------------|--------------------------|-------------------------|------------------------|--------------------------------------|--------------------------|
| | Vốn cổ phần | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng |
| Năm trước | | | | | |
| Số đầu năm | 3.169.884.370.000 | 628.592.500 | (79.164.500) | 72.033.896.887 | 3.242.467.694.887 |
| Phát hành cổ phiếu | 189.105.950.000 | 514.734.297.200 | - | - | 703.840.247.200 |
| Mua lại cổ phiếu | - | - | (729.700.000) | - | (729.700.000) |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | 2.810.029.532.423 | 2.810.029.532.423 |
| Chia cổ tức bằng cổ phiếu | 1.075.971.460.000 | - | - | (1.075.971.460.000) | - |
| Cổ tức công bố | - | - | - | (484.310.571.750) | (484.310.571.750) |
| Số cuối năm | <u>4.434.961.780.000</u> | <u>515.362.889.700</u> | <u>(808.864.500)</u> | <u>1.321.781.397.560</u> | <u>6.271.297.202.760</u> |
| Năm nay | | | | | |
| Số đầu năm | 4.434.961.780.000 | 515.362.889.700 | (808.864.500) | 1.321.781.397.560 | 6.271.297.202.760 |
| Phát hành cổ phiếu (*) | 500.000.000 | 3.755.000.000 | - | - | 4.255.000.000 |
| Mua lại cổ phiếu | - | - | (4.850.060.000) | - | (4.850.060.000) |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | 2.149.152.928.470 | 2.149.152.928.470 |
| Trích lập quỹ | - | - | - | (10.000.000.000) | (10.000.000.000) |
| Cổ tức công bố (**) | - | - | - | (664.179.295.500) | (664.179.295.500) |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | 2.149.152.928.470 | 2.149.152.928.470 |
| Số cuối năm | <u>4.435.461.780.000</u> | <u>519.117.889.700</u> | <u>(5.658.924.500)</u> | <u>2.796.755.030.530</u> | <u>7.745.675.775.730</u> |

(*) Vào ngày 17 tháng 9 năm 2019, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 50.000 cổ phiếu với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 22 tháng 3 năm 2019 và các Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 23 tháng 8 năm 2019. Vào ngày 24 tháng 10 năm 2019, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh được cấp bởi Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương, phê duyệt việc tăng vốn cổ phần từ 4.434.961.780.000 VND lên 4.435.461.780.000 VND.

(**) Trong năm, Công ty đã công bố và chi trả cổ tức với số tiền là 664.179.295.500 VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho các cổ đông hiện hữu của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22 tháng 3 năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

11.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

| | <i>Số cổ phiếu</i> |
|----------------|--------------------|
| Số đầu năm | 443.496.178 |
| Tăng trong năm | 50.000 |
| Số cuối năm | 443.546.178 |

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

11.3 Cổ phiếu - cổ phiếu phổ thông

| | <i>Số cổ phiếu</i> | |
|---------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------|
| | <i>Số cuối năm</i> | <i>Số đầu năm</i> |
| Cổ phiếu được phép phát hành | 443.546.178 | 443.496.178 |
| Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 443.546.178 | 443.496.178 |
| Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | (856.236) | (369.285) |
| Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 442.689.942 | 443.126.893 |

12. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | <i>VND</i> | |
|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | <i>Năm nay</i> | <i>Năm trước</i> |
| Cổ tức (<i>Thuyết minh số 15</i>) | 2.148.808.824.834 | 2.799.448.144.923 |
| Lãi cho vay | 122.118.816.439 | 115.257.227.651 |
| Lãi tiền gửi | 33.968.048 | 255.783.048 |
| TỔNG CỘNG | 2.270.961.609.321 | 2.914.961.155.622 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | VND | |
|------------------|------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | 115.275.167.916 | 97.326.249.994 |
| Khác | 1.582.143.555 | - |
| TỔNG CỘNG | 116.857.311.471 | 97.326.249.994 |

14. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

14.1 Chi phí thuế TNDN

| | VND | |
|-----------------------------|-------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | <u>91.324.688</u> | <u>2.648.371.876</u> |

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

| | VND | |
|------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 2.149.244.253.158 | 2.812.677.904.299 |
| Thuế TNDN theo thuế suất 20% | 429.848.850.632 | 562.535.580.861 |
| <i>Các khoản điều chỉnh:</i> | | |
| Chi phí không được trừ | 4.239.023 | 2.420.000 |
| Thu nhập từ cổ tức | <u>(429.761.764.967)</u> | <u>(559.889.628.985)</u> |
| Chi phí thuế TNDN | 91.324.688 | 2.648.371.876 |

14.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

| VND | | | | |
|-------------------------------------------------------|------------------------------|----------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | Năm nay | Năm trước |
| Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động | Công ty con | Cổ tức | 2.148.808.824.834 | 2.799.448.144.923 |
| | | Cho vay | 697.032.000.000 | 1.743.500.000.000 |
| | | Lãi cho vay | 119.711.916.895 | 113.586.240.151 |
| | | Chuyển đổi khoản cho vay thành vốn góp | - | 1.000.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh | Công ty con | Góp vốn bằng tiền | 1.000.000.000.000 | 1.813.000.000.000 |
| | | Tạm ứng | 915.000.000.000 | - |
| | | Chuyển đổi khoản cho vay thành vốn góp | - | 187.000.000.000 |
| | | Cho vay | - | 187.000.000.000 |
| | | Lãi cho vay | - | 1.354.625.000 |
| Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động | Công ty con | Cho vay | 65.000.000.000 | - |
| | | Lãi cho vay | 2.406.899.544 | 277.612.500 |
| | | Góp vốn bằng tiền | - | 400.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang | Công ty liên kết | Cho vay | - | 35.000.000.000 |
| | | Chuyển đổi khoản cho vay thành vốn góp | - | 35.000.000.000 |
| | | Lãi cho vay | - | 38.750.000 |
| Ông Robert Willet | Thành viên Hội đồng Quản trị | Chi phí tư vấn | 2.146.976.781 | 2.188.855.166 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

| VND | | | | |
|-------------------------------------------------------|--------------------|---------------------------|------------------------|-----------------------|
| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Nội dung nghiệp vụ</i> | <i>Số đầu năm</i> | <i>Số cuối năm</i> |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | | | | |
| Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động | Công ty con | Cho vay | 115.700.090.000 | 66.600.000.000 |
| Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động | Công ty con | Cho vay | 65.000.000.000 | - |
| | | | 180.700.090.000 | 66.600.000.000 |
| Phải thu về cho vay dài hạn | | | | |
| Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động | Công ty con | Cho vay | 1.126.500.000.000 | 1.061.720.000.000 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | | | | |
| Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh | Công ty con | Tạm ứng Chi hộ | 915.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động | Công ty con | Lãi cho vay Chi hộ | 1.521.435.629 | 12.996.550.724 |
| Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động | Công ty con | Lãi cho vay Chi hộ | 662.968.650 | 2.770.414.000 |
| | | | 425.647.741 | - |
| | | | 4.955.000 | - |
| | | | 917.633.192.020 | 15.766.964.724 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Phát hành mới cổ phiếu phổ thông theo Chương trình lựa chọn sở hữu cổ phiếu

Vào ngày 6 tháng 1 năm 2020, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 10.520.045 cổ phiếu với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu từ việc sử dụng 856.236 cổ phiếu quỹ và phát hành 9.663.809 cổ phiếu mới. Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 4.435.461.780.000 VND lên 4.532.099.870.000 VND. Vào ngày 12 tháng 2 năm 2020, Công ty đã nhận được các GCNĐKDN điều chỉnh được cấp bởi Sở KH & ĐT Tỉnh Bình Dương cho lần phát hành cổ phiếu trên.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Lý Trần Kim Ngân
Người lập



Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính



Trần Kinh Doanh
Tổng Giám đốc



Ngày 2 tháng 3 năm 2020